

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HS-PT

Ngày: 22/11/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Năm;

Ông Lê Thành Tân,

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lữ Hồng Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thiết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 147/2023/HS-PT, ngày 09 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Lê Hồng V cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Lê Hồng V, Trần Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn L, Lê Thị Hồng N đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2023/HS-ST, ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: **Lê Hồng V**, sinh năm 1982 tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở hiện nay: Số H, Tổ C, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K (chết) và bà Trần Thị C; chồng Phương Thanh P (chết) và 01 người con sinh năm 2002; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1986 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Đóng tàu; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị T2 (chết); vợ Huỳnh Thị B1 và 02 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2010); tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do.

3/ Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1990 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Mười B2 và bà Nguyễn Thị B3; vợ Lý Thu N1 và 01 người con sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do.

Nhân thân: Ngày 04/3/2019 bị Công an huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc với số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt xong.

4/ Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1993 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Huỳnh Thị D; vợ Nguyễn Thị Bích L1 và 01 người con sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do.

5/ Họ và tên: **Lê Thị Hồng N**, sinh năm 1987 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: ấp C, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K (chết) và bà Trần Thị C; chồng Huỳnh Minh V1 (đã ly hôn, bản án số 32 ngày 16/3/2018) và 01 người con sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do.

Các bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1/ Ông Trần Văn N2, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2/ Anh Trần Văn H, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Thạch Thị H1, Nguyễn Thị D1, Lê Thị H2 không có kháng cáo, không bị kháng nghị

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 25/01/2023, tại nhà Lê Thị H2 có tổ chức ăn tết và có nhiều người tham gia cùng gia đình của H2 gồm: Lê Hồng V, Lê Thị Hồng N (cùng là em ruột của H2), Thạch Thị H1, Nguyễn Văn T1 và 01 số người khác. Đến khoảng 19 giờ 30 phút, thì Lê Hồng V rủ Nguyễn Văn T1 tham gia đánh bạc (đánh bài) ăn thua bằng tiền thì T1 đồng ý và T1 nói để tìm thêm người lại cùng tham gia đánh bạc. Sau đó, T1 đi ra ngoài gọi điện thoại cho Trần Văn T và Nguyễn Tấn L để rủ chơi đánh bạc ăn thua bằng tiền thì T và L đồng ý. Khi đến gặp T1 thì T1 cho L mượn số tiền 10.000.000 đồng. Khi T1, T và L vào gặp V thì V rủ đi qua nhà Trần Văn N2 (là anh chồng của H2) sát nhà của H2 để chơi đánh bài. Do anh N2 đã say rượu nằm ngủ nên V hỏi Nguyễn Thị D1 là vợ của anh N2 mượn nhà làm địa điểm chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền thì được D1 đồng ý. Lúc này, V cùng với T1, T và L đi xuống khu vực nhà bếp của anh N2 để đánh bạc ăn thua bằng tiền. L nói D1 lấy bài ra để chơi thì D1 lấy ra nhiều bộ bài tây (loại 52 lá) và khi đánh bạc xong sẽ tính tiền bài.

Lúc đầu, tất cả thống nhất chơi đánh bạc với hình thức đánh bài cào 03 lá ăn thua bằng tiền do V làm nhà cái; T, L và T1 đặt tụ bài con. Mỗi bàn người tham gia đặt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng sau đó mở bài so thắng, thua. Việt làm nhà cái khoảng 10 bàn thì V thua tiền nên yêu cầu chuyển sang đánh bạc với hình thức chơi bài binh 06 lá nhưng T, L và T1 không đồng ý nên nghỉ không đánh bạc nữa. V nói nếu đồng ý chuyển sang đánh bài binh 06 lá thì quay lại đánh bạc tiếp. T, L và T1 cùng đi đến quán nước của anh N3 (cách nhà anh N2 khoảng 50 mét) để uống nước và kiểm tra số tiền thắng, thua thì biết được lúc đánh bạc (đánh bài cào 03 lá) đã thắng nên rủ nhau quay lại đánh bạc tiếp (bài binh 06 lá) với V. Sau khi T, T1, L trở lại nhà anh N2 thì việc đồng ý đánh bạc, V tiếp tục làm nhà cái, còn T, L và T1 đặt tụ bài con. Mỗi bàn, mỗi người cũng đặt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng sau đó mở bài so ăn thua. Lúc này, Thạch Thị H1 đi ngang nhà anh N2 thấy có đánh bài nên vào để tham gia, H1 đặt tiền ké vào tụ bài của T. Đánh bạc đến khoảng 21 giờ 30 phút, thì V tiếp tục thua tiền, còn lại khoảng 2.000.000 đồng nên nhờ Trần Văn H, sinh năm 1999 là cháu của V về gặp và nhắn cho Lê Thị Hồng N là V mượn N số tiền 5.000.000 đồng, kêu N đem qua cho V để tiếp tục chơi đánh bài. Do N không có tiền mặt nên N hỏi mượn tiền của Lê Thị H2, H2 biết rõ N và V mượn tiền để chơi đánh bạc ăn thua bằng tiền nhưng vẫn đồng ý cho N mượn tiền. H2 cho N mượn số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó, N đến gặp V và dùng số tiền 5.000.000 đồng đã mượn của H2 để cùng làm nhà cái với V. V chia bài và N xem bài của T1, L, T, gom tiền thắng thua giữa V với T1, L, T. Đánh bạc được khoảng 10 bàn thì V và N thắng lại được khoảng 5.000.000 đồng thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang.

Số tiền đánh bạc cụ thể như sau:

1/ Lê Hồng V: Khi đi đem theo số tiền là 17.000.000 đồng để đánh bạc, kết quả thua 15.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng. V mượn tiền của Lê Thị Hồng N số tiền 5.000.000 đồng cùng N làm nhà cái, sau đó V tiếp tục thua số tiền là 4.000.000 đồng (gồm 2.000.000 đồng của V và 2.000.000 đồng của N đưa)

nhưng sau đó V và N thắng lại số tiền là 5.000.000 đồng, bị tạm giữ 5.000.000 đồng tại nơi đánh bạc.

2/ Nguyễn Văn T1: Khi đi đem theo số tiền 30.000.000 đồng, sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, cho Nguyễn Tấn L mượn 10.000.000 đồng, kết quả thắng được số tiền là 9.400.000 đồng, khi L trả số tiền 10.000.000 đồng thì T1 lấy số tiền 30.000.000 đồng gửi cho Nguyễn Thị D1 là vợ của anh Trần Văn N2 nhờ giữ dùm. Thật tiếp tục sử dụng số tiền 9.400.000 đồng để đánh bạc tiếp, sau đó thua còn lại số tiền là 4.550.000 đồng. Khi Công an kiểm tra thì T1 dùng tay ném số tiền 3.550.000 đồng vào sàn giường ngủ cạnh vị trí ngồi, bị tạm giữ trên người số tiền 1.000.000 đồng

3/ Nguyễn Tấn L: Khi đi đem theo số tiền 1.350.000 đồng, L mượn 10.000.000 đồng của Nguyễn Văn T1, L dùng số tiền 11.350.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thắng được số tiền 3.500.000 đồng, L trả cho T1 10.000.000 đồng. Sau đó, L dùng số 4.850.000 đồng tiếp tục đánh bạc (bài binh 6 lá); khi bị bắt quả tang L làm rơi tiền gần nơi đánh bạc.

4/ Trần Văn T: Khi đi đem theo số tiền 5.000.000 đồng, sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thắng được số tiền 1.500.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 6.500.000 đồng tại nơi đánh bạc.

5/ Lê Thị Hồng N: Khi đi đem theo số tiền 30.000.000 đồng (mượn của Lê Thị H2), sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng làm nhà cái với V (N lấy ra 2.000.000 đồng đưa cho V, còn 28.000.000 đồng Nhưng giữ trên người), bị tạm giữ trên người số tiền 28.000.000 đồng.

6/ Thạch Thị H1: Khi đi đem theo số tiền 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thua 500.000 đồng, bị tạm giữ trên người số tiền là 1.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là: 45.350.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số: 53/CT-VKSHTB ngày 14/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố Lê Hồng V, Trần Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn L, Lê Thị Hồng N về tội: Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2023/HS-ST, ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Hồng V, Trần Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn L, Lê Thị Hồng N phạm tội “Đánh bạc”.

1.1/ Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng V 01 (Một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do)

Phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

1.2/ Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 01 (Một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do).

Phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

1.3/ Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do).

Phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

1.4/ Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (Một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do)

Phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

1.5/ Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng N 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do).

Phạt bổ sung số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử phạt các bị cáo Thạch Thị H1, Nguyễn Thị D1, Lê Thị H2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại đơn kháng cáo ngày 05/9/2023 và đơn kháng cáo bổ sung ngày 13/10/2023, bị cáo Lê Thị Hồng N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại đơn kháng cáo ngày 06/9/2023 và đơn kháng cáo bổ sung ngày 13/10/2023, bị cáo Lê Hồng V yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 06/09/2023 các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng nội dung vụ án, cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, bản án hình sự sơ thẩm số 59/20223/HS-ST, ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xác định các bị cáo tham gia đánh bạc với tổng số tiền 45.350.000 đồng làm căn cứ áp dụng hình phạt đối với tất cả các bị cáo là chưa chính xác. Bởi lần thứ nhất chỉ có các bị cáo V, T1, L và T tham gia đánh bạc với số tiền 38.350.000 đồng. Lần đánh bạc thứ hai có các bị cáo V, T1, L, T, N và H1 tham gia. Số tiền đánh bạc lần này của các bị cáo là 27.850.000 đồng. Do đó, bị cáo N chỉ chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền tham gia đánh bạc lần 2 do thời gian đánh bạc hai lần cách nhau nên xác định số tiền đánh bạc của từng lần để làm căn cứ xác định số tiền đánh bạc của các bị cáo và phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo V, L và T1 và quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo V, T1 và L kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với cấp sơ thẩm nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo V, Lợi T5, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2023/HS-ST, ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đối với các bị cáo V, T5 và L.

Đối với bị cáo T tham gia đánh bạc 02 lần nhưng số tiền dùng để đánh bạc thấp hơn nhiều so với bị cáo V, L và T5 chỉ có 5.000.000 đồng nhưng bị xử phạt 09 tháng tù là nặng so với các bị cáo V, L và T5. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Xét thấy cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo 06 tháng tù.

Đối với bị cáo N chỉ tham gia đánh bạc một lần với số tiền là 27.350.000 đồng, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà khai báo ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm không đáng kể, gia đình có nhiều người có công với cách mạng. Bị cáo có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình, một mình nuôi con nhỏ. Xét bị cáo có nơi cư trú

rõ ràng vì vậy cần xử bị cáo một mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo không ảnh hưởng đến công tác phòng chống tội phạm. Xét thấy bị cáo N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo là có căn cứ theo quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng.

Bị cáo Lê Hồng V, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T, Nguyễn Tấn L và Lê Thị Hồng N trình bày: Các bị cáo thừa nhận việc các bị cáo đánh bạc thắng thu bằng tiền nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội Đánh bạc là có căn cứ, không oan sai, các bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi con nhỏ nên xin được hưởng án treo. Ngoài ra, bị cáo Lê Hồng V cũng xác định bị cáo là người hời mượn của bị cáo N số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc. Giữa bị cáo và bị cáo N không có bàn bạc thỏa thuận bị cáo và bị cáo N sẽ góp tiền để cùng nhau đánh bạc (bài binh 06 lá) thắng, thua với các bị cáo khác.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo Lê Hồng V, Nguyễn Văn T1, Trần Văn T, Nguyễn Tấn L và Lê Thị Hồng N rất ăn năn, hối hận xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Lê Hồng V, Trần Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn L và Lê Thị Hồng N thừa nhận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 25/01/2023, bị cáo Lê Hồng V cùng với các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn L, Lê Thị Hồng N, Thạch Thị H1 tham gia đánh bạc (đánh bài) ăn thua bằng tiền tại nhà của bị cáo Nguyễn Thị D1.

Số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc:

- Bị cáo Lê Hồng V tham gia đánh bạc lần thứ 1 (đánh bài cào 3 lá) số tiền đánh bạc là 17.000.000 đồng, kết quả bị cáo thua 15.000.000 đồng. Lần thứ 2 (đánh bài binh 06 lá): Bị cáo V dùng số tiền còn lại 2.000.000 đồng, tiếp tục mượn tiền của bị cáo Lê Thị Hồng N số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc. Số tiền của bị cáo bị tạm giữ tại nơi đánh bạc 5.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1: Bị cáo sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc lần thứ 1. Lần đánh bạc thứ 2 bị cáo sử dụng số tiền 9.400.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi Công an kiểm tra thì bị cáo dùng tay ném số tiền 3.550.000 đồng vào sàn giường ngủ cạnh vị trí ngồi, tạm giữ trên người bị cáo số tiền 1.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Tấn L: Bị cáo sử dụng số tiền 11.350.000 đồng để tham gia đánh bạc lần thứ 1; 4.850.000 đồng tham gia đánh bạc lần thứ 2.

- Bị cáo Trần Văn T: Bị cáo dùng số tiền tham gia đánh bạc lần thứ 1: 5.000.000 đồng; lần thứ 2 bị cáo dùng số tiền: 6.500.000 đồng để tham gia đánh bạc; bị tạm giữ số tiền 6.500.000 đồng tại nơi đánh bạc.

- Bị cáo Lê Thị Hồng N: Bị cáo mang số tiền 5.000.000 đồng đến cho bị cáo V mượn và tham gia đánh bạc cùng với bị cáo V.

Ngoài ra bị cáo Thạch Thị H1 tham gia đánh bạc với số tiền là 2.000.000 đồng.

Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê Hồng V, Trần Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn L, Lê Thị Hồng N đã phạm tội: Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo V, L, Thạt tham gia đánh bạc hai lần lẽ ra phải áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Xét:

- Bị cáo Lê Hồng V là người giữ vai trò tích cực trong vụ án, bị cáo là người chủ động tìm kiếm, rủ rê các bị cáo khác đánh bạc và tham gia đánh bạc với vai trò là người làm cái, ăn thua với các bị cáo còn lại. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo V tại điểm i, s khoản 1 (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải), không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Bị cáo là người tích cực trong quá trình thực hiện phạm tội Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo nhưng tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 cũng là người giữ vai trò tích cực trong vụ án. Khi bị cáo V rủ bị cáo đánh bạc ăn thua bằng tiền thì bị cáo đã đồng ý và đã gọi điện thoại rủ rê bị cáo T, bị cáo L tham gia đánh bạc trái phép, đồng thời cho bị cáo L mượn số tiền 10.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T1 tại điểm i, s khoản 1 (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải), không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Bị cáo là người tích cực trong quá trình thực hiện phạm tội Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Tấn L: Khi được bị cáo T1 gọi điện thoại rủ rê bị cáo tham gia đánh bạc thì bị cáo đã đồng ý. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải) cho bị cáo, không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Bị cáo là người tích

cực trong quá trình thực hiện phạm tội Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Bị cáo Trần Văn T: Khi bị cáo T1 gọi điện thoại rủ rê bị cáo tham gia đánh bạc thì bị cáo đã đồng ý. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải) cho bị cáo, không áp dụng tình tiết tăng nặng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù. Mặc dù, số tiền bị cáo tham gia đánh bạc thấp hơn các bị cáo khác nhưng về nhân thân của bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo T vẫn tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc cùng với các bị cáo V, T1, L, N bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp được thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Bị cáo Lê Thị Hồng N: Khi bị cáo V hỏi mượn tiền bị cáo biết bị cáo V mượn tiền của bị cáo với mục đích để đánh bạc thì bị cáo đã tích cực hỏi mượn tiền của bị cáo H2 rồi đến cùng tham gia đánh bạc với bị cáo V với vai trò người giúp sức: cho mượn tiền, tham gia kiểm tra kết quả và trả tiền thắng thua giữa bị cáo V và các bị cáo khác; bị cáo không dùng tiền tham gia đánh bạc với mục đích thắng thua nhằm thu lợi, bị cáo chỉ tham gia giúp sức với bị cáo V trong lần đánh bạc thứ 2 nên tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo so với các bị cáo khác nhẹ hơn. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải) cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng N 09 (chín) tháng bằng với mức án tù của bị cáo T là nghiêm khắc chưa tương xứng với vai trò của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có đơn xin nộp số tiền 15.000.000 đồng là hình phạt bổ sung, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V là có căn cứ chấp nhận một phần.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2023/HS-ST, ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Hồng V, Trần Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn L. Giữ nguyên về hình phạt đối với các bị cáo Lê Hồng V, Trần Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn L.

1.1/ Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hồng V 01 (Một) năm tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 01 (Một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do).

1.2/ Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn L 01 (Một) năm tù.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (Chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ 03 ngày (từ ngày 26/01/2023 đến ngày 29/01/2023 trả tự do).

2/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thị Hồng N.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Hồng N cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Đồng thời trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú sẽ thực hiện Luật thi hành án hình sự

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Lê Thị Hồng N số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T số 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) theo lai thu số 0000377, ngày 17/11/2023 bị cáo đã thi hành xong.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc các bị cáo Lê Hồng V, Trần Văn T, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Tấn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Thị Hồng N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.
5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

-TANDTC (01);
-TANDCC (01);
-VKSNDCC (01);
-VKSND.TVL (01);
-TAND.HTB (02);
-VKSND.HTB (01);
-CQTHAHS.HTB (01);
-CQTHADS.HTB (01);
-Trại TG.TVL (01);
- Bị cáo (05);
-Phòng HSCATVL (01);
-Sở TPTVL(01);
-UBND xã nơi bị cáo cư trú;
-Lưu: HS, KTNV, TNV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Duy Mỹ Ngọc